

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 154/2025/HNGĐ-ST  
Ngày: 22-01-2025  
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thúy Quỳnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Đỗ Thị Kiều Hạnh
- Ông Trần Đăng Vạn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hải Yến là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Trong ngày 22 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 2639/2024/TLST-HNGĐ ngày 14/11/2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10089/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 16/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/01/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Bùi Anh T, sinh năm 1964

Địa chỉ: 59/13/16 Đường A, Tổ 16, Khu phố B (nay là Khu phố C), phường T, thành phố T, Thành phố H

2. *Bị đơn:* bà Cao Thị Ngọc H, sinh năm 1966

Địa chỉ: 59/13/16 Đường A, Tổ 16, Khu phố B (nay là Khu phố C), phường T, thành phố T, Thành phố H

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2024, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Bùi Anh Tuấn trình bày:

Ông và bà Cao Thị Ngọc H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T (nay là phường T, thành phố T), Thành phố H và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số \*\*\*\*, ngày \*\*/\*\*/1988. Trong quá trình chung sống, vợ

chồng thường phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng về quan điểm về vấn đề tình cảm, không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, tình cảm lạnh nhạt. Ông bà đã cố hàn gắn nhưng không được và bà H cũng bỏ đi đâu không rõ từ năm 2014. Ông đã làm thủ tục tuyên bố bà H mất tích và được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo Quyết định số 4913/2024/QĐST-DS ngày 30/9/2024. Hiện nay, ông không còn tình cảm với bà H nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, để ổn định cuộc sống ông yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn bà H.

Về con chung: Ông T và bà H có 02 con chung tên Bùi Thị Trường G, sinh năm 1993 và Bùi Thị Thùy T1, sinh năm 1988. Cả 02 con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Cao Thị Ngọc H: Dù đã được Tòa án tổng đạt, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên các ý kiến đã trình bày.

Bà H vắng mặt không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

\* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông T yêu cầu ly hôn bà H và bà H có địa chỉ cư trú cuối cùng tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

\* Về thủ tục tố tụng: Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt và bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà H.

\* Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số số \*\*\*\*, ngày \*\*/\*\*/1988 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T (nay là phường T, thành phố T), Thành phố H cấp, thì quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà H là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, ông T và bà H xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống. Từ năm 2014, bà H bỏ đi đâu không rõ và cũng

không liên lạc với gia đình. Ông T đã làm thủ tục tuyên bố bà H mất tích và được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo Quyết định số 4913/2024/QĐST-DS ngày 30/9/2024. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà H.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa ông T và bà H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Bùi Anh Tuấn được ly hôn với bà Cao Thị Ngọc H.

[2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số \*\*\*, ngày \*\*/\*\*/1988 của Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T (nay là phường L, thành phố T), Thành phố H; Giấy khai sinh số \*\*\*/1993, ngày \*\*/\*\*/1993 của Ủy ban nhân dân phường PB, Quận A (nay là thành phố T), Thành phố H và lời khai của ông T thì có đủ căn cứ xác định ông T và bà H có 02 người con chung tên Bùi Thị Trường G, sinh năm 1993 và Bùi Thị Thùy T1, sinh năm 1988. Cả 02 con đều đã trưởng thành.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T được miễn nộp tiền án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 51, khoản 2 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Anh T được ly hôn với bà Cao Thị Ngọc H.

2. Về con chung: Ông Bùi Anh T và bà Cao Thị Ngọc H có 02 (hai) con chung tên Bùi Thị Trường G, sinh năm 1993 và Bùi Thị Thùy T1, sinh năm 1988. Cả 02 con đều đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí:

Ông Bùi Anh T thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Bùi Anh T 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số \*\*\*\*\* ngày \*\*/\*\*/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Biên lai thu dịch vụ công số 000002\*\*\*\*\*81 ngày \*\*/\*\*/2024).

5. Giấy chứng nhận kết hôn số số \*\*\*\*\*, ngày \*\*/\*\*/1988 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T (nay là phường T, thành phố T), Thành phố H cấp cho ông Bùi Anh Tuấn và bà Cao Thị Ngọc H không còn giá trị pháp lý.

6. Ông Bùi Anh T và bà Cao Thị Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- UBND cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Thúy Quỳnh**